

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **74/2017/HNGĐ-ST**

Yên Thành, ngày 28 tháng 9 năm 2017

Ngày: 28/9/2017

V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH – TỈNH NGHỆ AN

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Giang**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hân
2. Ông Nguyễn Đức Quỳnh.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Phan Thanh Hà - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Hiếu – kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2017/QĐXX-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự :

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị L – sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: xóm P, xã L, Yên Thành, Nghệ An.(có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Mai Đình T – sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: xóm P, xã L, Yên Thành, Nghệ An. (vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18/8/2017, tại bản tự khai và tại biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Mai Đình T kết hôn vào ngày 22/7/2007, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc hay lừa dối, có đăng ký tại UBND xã L, huyện Yên Thành, Nghệ An. Sau ngày kết hôn vợ chồng chung sống bình thường được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu: do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh T thường xuyên uống rượu, đánh đập vô cớ, thiếu sự quan tâm chăm sóc gia đình. Chị đã cùng hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T vẫn chứng nào tật nấy. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 7/2011 cho đến nay, cắt đứt quan hệ tình cảm với nhau. Nay

chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Mai Lê H – sinh ngày 08/02/2008 và Mai Lê Đ – sinh ngày 06/9/2011. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Lê Đ đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành, chị có nguyện vọng giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu H ở với anh T từ lúc hai vợ chồng ly thân (năm 2011) đến nay. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Mai Đình T quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc. Vì vậy Tòa án không thể lấy được lời khai của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Đối với anh Mai Đình T. Đây là phiên tòa được mở lần thứ 2 nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

Xét hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Song qua xem xét thực tế và xác minh tại địa phương thì thấy rằng tuy thời gian sống chung không nhiều nhưng cuộc sống của vợ chồng không được hạnh phúc, anh T thường xuyên uống rượu và đánh đập chị L, mâu thuẫn liên tục xảy ra và đã thực sự căng thẳng, trầm trọng, hai bên đã sống ly thân đã hơn 6 năm nay, không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau nữa, Tòa án đã khuyên bàn nhưng chị L một mực kiên quyết xin được ly hôn. Xét đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị L xin ly hôn anh T là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về con chung: Chị L, anh T có 2 con chung như đã nêu ở trên. Ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật trưởng thành, chị có nguyện vọng giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành vì từ nhỏ cháu Hoàng ở với anh T. Xét nguyện vọng của chị L là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với đạo đức và pháp luật.

Xét thấy cháu Hoàng ở với anh T, cháu Đ ở với chị L kể từ khi vợ chồng sống ly thân (năm 2011) cho tới nay và hiện tại các cháu đều có cuộc sống ổn định.

Quá trình giải quyết vụ án cháu Hoàng cũng có nguyện vọng được ở với anh T, việc cháu H xin ở với bố là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do đó cần giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nhật cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành là cần thiết, phù hợp với thực tế cũng như quy định của pháp luật. Xét chị L, anh T mỗi người nuôi 1 con nên hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát có ý kiến phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký cụ thể như sau: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện các quy định tại điều 203 BLTTDS năm 2015. Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp. Việc chấp hành theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa Thẩm phán, HĐXX và Thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án. Với các tài liệu do đương sự cung cấp và thẩm phán thu thập có tại hồ sơ. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, còn về con chung đề nghị xem xét giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nhật cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình.

Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Mai Đình T.

Về con chung: Giao con chung là Mai Lê H – sinh ngày 08/02/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Mai Lê Đ – sinh ngày 06/9/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị L, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc chị Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án Yên Thành theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002414 ngày 23/8/2017. Chị L đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị L có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt, có

quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- VKS H. Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H. Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND Xã
- Lưu hs, VP

Phạm Văn Giang